TÒA ÁN NHÂN DÂN TP NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **33/2017/DS-ST**
Ngày: 11 - 7 - 2017
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tú Vinh**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Lý**
2. Ông **Nguyễn Đức Đẹp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thúy Oanh –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh –** Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 211/2017/DS-ST ngày 20/4/2017 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/QĐXX-ST ngày 30/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Châu Thị Th**– sinh năm 1963
Địa chỉ: 56 đường N, phường T, Nha Trang, Khánh Hòa.
Bà Th có mặt.

Bị đơn: Bà **Lê Thị N** – sinh năm 1962
Địa chỉ: 117 đường H, phường T, Nha Trang, Khánh Hòa.
Bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Châu Thị Th trình bày:*

Trước đây bà và bà Lê Thị N cùng buôn bán ở chợ Xóm Mới nên có quen biết nhau. Ngày 04/01/2016 bà N viết giấy mượn của bà 03*(ba)* cây vàng SJC; đến tháng 10/2016 bà N viết giấy mượn bà số tiền là 120.000.000đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng*, hẹn mỗi tháng trả 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*, nhưng sau đó bà N không trả nợ như đã hẹn.Bà đã nhiều lần điện thoại và trực tiếp gặp bà N để yêu cầu N trả cho bà toàn bộ số tiền và vàng mà bà N đã mượn của bà nhưng bà N cố tình trốn tránh, không chịu trả cho bà.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị N phải trả cho bà một lần toàn bộ số tiền và vàng mà bà N đã vay mượn của bà là 120.000.000đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng)* và 03*(ba)* cây vàng SJC, trả một lần và không yêu cầu tính lãi.

** Tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải, bị đơn bà Lê Thị N trình bày:*

Bà và bà Châu Thị Th cùng buôn bán quần áo trong chợ Xóm Mới nên quen biết nhau. Ngày 04/01/2016 bà có viết giấy mượn của bà Th 03*(ba)* cây vàng SJC; đến tháng 10/2016, để nhập hàng hóa buôn bán nên bà tiếp tục viết giấy mượn của bà Th số tiền 120.000.000 đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng)*, hẹn sẽ trả dần mỗi tháng 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*. Bà đã trả lãi hàng tháng đầy đủ cho bà Th đến đầu năm 2017, nhưng sau đó do kinh doanh làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn và do sức khỏe bà không được tốt nên đến nay vẫn chưa trả được hết số tiền cho bà Th.

Bà Th yêu cầu bà trả cho bà Th số tiền 120.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi triệu đồng)* và 03*(ba)* cây vàng SJC thì bà đồng ý, nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà rất khó khăn, không đủ khả năng trả nợ một lần, bà đề nghị bà Th cho bà trả nợ dần mỗi tháng 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* cho đến khi hết nợ.

** Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Th về việc buộc bà Lê Thị N phải trả cho bà Th một lần toàn bộ số tiền 120.000.000đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng)* theo giấy mượn lập tháng 10/2016 và 03*(ba)* cây vàng SJC theo giấy mượn lập ngày 04/01/2016, không yêu cầu trả lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 469 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do toàn bộ yêu cầu của bà Th được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng*:

(1) Bà Châu Thị Th khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Lê Thị N, có nơi cư trú tại 117 Huỳnh Thúc Kháng, Tân Lập, Nha Trang nên Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

(2) Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng lần thứ hai bị đơn (bà Lê Thị N) vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

** Về nội dung:*

(1) Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các bản tự khai và tại phiên hòa giải các bên đương sự đều thừa nhận do quen biết nhau nên ngày 04/01/2016 bà Th có cho bà N mượn 03*(ba)* cây vàng SJC và tháng 10/2016 bà Th cho bà N mượn 120.000.000đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng)*, bà N tự tay viết giấy mượn tiền và mượn vàng giao

cho bà Th giữ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng mượn tiền và mượn vàng giữa bà Th và bà N là có thật, việc giao dịch giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung các thỏa thuận liên quan đến giao dịch là phù hợp với quy định của pháp luật.

Giấy mượn tiền lập tháng 10/2016, có nội dung: bà N còn nợ bà Th 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng)*, hẹn mỗi tháng trả dần 20 triệu, và không có nội dung thỏa thuận về lãi nên giao dịch vay mượn tiền này giữa bà Th và bà N là giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy, căn cứ vào Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015 Hội đồng xét xử xác định đây là loại hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015.

Giấy mượn vàng lập ngày 04/01/2016, có nội dung: bà N mượn của bà Th 03*(ba)* cây vàng SJC, không có nội dung thỏa thuận về lãi nên giao dịch mượn vàng giữa bà Th và bà N là giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ vào Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015 Hội đồng xét xử xác định đây là loại hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015.

Bà Th xác định do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng nên bà đã trực tiếp gặp bà N để yêu cầu bà N phải trả cho bà toàn bộ số tiền và vàng mà bà N đã mượn của bà, điều này được bà N thừa nhận, nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên bà N không trả nợ theo yêu cầu của bà Th. Như vậy, bà Th đã thực hiện việc thông báo đòi lại tài sản đối với hai hợp đồng vay mượn tài sản nêu trên đối với bà N, nên bà Th có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả lại toàn bộ tài sản mà bà N đã vay mượn.

(2) Bà N cho rằng hoàn cảnh của bà hiện nay rất khó khăn nên không thể trả hết nợ cho bà Th một lần được, bà đề nghị bà Th cho bà trả dần mỗi tháng 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* cho đến khi hết nợ, nhưng không được bà Th đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này của bà N.

(3) Bà Th yêu cầu bà N phải trả một lần số tiền 120.000.*000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng)* theo giấy nhận nợ lập tháng 10/2016 và 03*(ba)* cây vàng SJC theo giấy mượn lập ngày 04/01/2016, không yêu cầu bà N trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét về phần lãi và xác định yêu cầu này của bà Th là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 469 và Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015 nên có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Th.

(4) Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của bà Châu Thị Th được chấp nhận nên bà Lê Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền và vàng phải trả cho bà Th như sau:

Quy đổi 03*(ba)* cây vàng SJC ra thành tiền tại thời điểm xét xử là:
36.500.000 đồng/cây x 03 cây vàng = 109.500.000 đồng.

Án phí bà N phải chịu là:
109.500.000đ + 120.000.000đ = 229.500.000đ x 5% = 11.475.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469, 470 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc bà **Lê Thị N** phải trả cho bà **Châu Thị Th** toàn bộ số tiền **120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*)** và **03*(ba)* cây vàng SJC** theo giấy mượn tiền lập tháng 10/2016 và giấy mượn vàng lập ngày 04/01/2016, trả một lần, không trả lãi.

2. Bà Lê Thị N phải nộp 11.475.000đ *(Mười một triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Châu Thị Th 5.500.000 đồng *(Năm triệu năm trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0006492 ngày 19/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

3. Bà Châu Thị Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Quy định: *Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- THADS Tp. Nha Trang;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Thị Tú Vinh